TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Hưng;

Ông Hướng Duy Tùng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2024 về việc xin ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị B, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh L, có mặt.

Bị đơn: Anh Bế Thành N, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Vũ Thị B trình bày:

Chị Vũ Thị B và anh Bế Thành N, quen biết nhau vào năm 2012, sau thời gian tìm hiểu yêu đương thì tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào đầu

năm 2013, sau đó đăng ký kết hôn ngày 25/3/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, sau khi kết hôn anh, chị sống chung cùng gia đình bên nhà chồng tại thôn H, xã C, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Ngay sau khi cưới, chị Vũ Thị B phát hiện ra anh Bế Thành N nghiện ma túy nên đã khuyên can anh N từ bỏ nhưng anh Bế Thành N không chịu bỏ ma túy, từ đó anh chị mâu thuẫn nhau cho đến tháng 5/2022 thì chị B và anh N chính thức ly thân. Nay chị B xác định, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên xin được ly hôn. Về con chung: Chị B và anh N có 02 người con chung, tên là: Bế Kiều O, sinh ngày 26/4/2013 và Bế Thị Minh A, sinh ngày 21/02/2015. Khi ly hôn chị B yêu cầu nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung, anh N không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và các khoản nợ chung, cho vay chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2023 anh Bế Thành N trình bày: Anh kết hôn với chị Vũ Thị B trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, anh N thừa nhận bản thân ham chơi, lêu lổng, không có nghề N ổn định, bị mắc tệ nạn xã hội, nhiều khi chửi bới vợ, con chỗ đông người, không giữ sỹ diện cho vợ. Anh cho biết, bản thân anh sẽ thay đổi và không đồng ý ly hôn. Về con chung và tài sản chung: Anh Bế Thành N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bế Thành N cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Bế Thành N, mẹ đẻ của anh N là bà Đinh Thị N cho biết, anh N đã nhận được đầy đủ các văn bản giấy tờ của Tòa án trong việc ly hôn với chị Vũ Thị B, nhưng bà Ngoan cũng không biết ly do tại sao anh N không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị Vũ Thị B và anh Bế Thành N là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị B là có căn cứ; về con chung: Do anh N nghiện ma túy và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc nên việc giao con chung cho chị Vũ Thị B là phù hợp và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Vũ Thị B và anh Bế Thành N quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu, hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương có đăng ký kết

hôn tại tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Hiện anh Bế Thành N là bị đơn trong vụ án vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn H, xã C, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, chị Vũ Thị B có quyền yêu cầu ly hôn là đúng theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân gia đình và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của anh Bế Thành N tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho anh Bế Thành N. Kết quả xác minh tại nơi cư trú, bà Đinh Thị N mẹ đẻ của anh Bế Thành N cho biết anh N đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Bế Thành N đã vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh N vẫn không có mặt mà không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Theo như lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Vũ Thị B và anh Bế Thành N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống giữa anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Vũ Thị B và anh Bế Thành N không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tình cảm vợ chồng giữa anh chị thực sự đã hết do vậy yêu cầu xin ly hôn anh Bế Thành N của chị Vũ Thị B được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị B, Hội đồng xét xử thấy rằng, các biên bản ghi ý kiến của cháu Bế Thị Minh A và cháu Bế Kiều O đều có nguyện vọng ở với mẹ, tại bản tự khai anh Bế Thành N không có ý kiến gì về con chung, hơn nữa bản thân anh N lại nghiện ma túy, nên việc giao cho chị B nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì chị Vũ Thị B phải chịu án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Các Điều 8,9 ,51 ,55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị B được ly hôn với anh Bế Thành N.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị B được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bế Kiều O, sinh ngày 26/4/2013 và cháu Bế Thị Minh A, sinh ngày 21/02/2015 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành và anh Bế Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bế Thành N được quyền đi lại, thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Vũ Thị B đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006456 ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Bế Thành N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- UBND thị trấn Thất Khê, H.Tràng Định; T.Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Văn Bình